

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2024.

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lý Thị Tư**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Hoàng Bảy

2/. Ông Hứa Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Hồng Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lâm Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2023/TLST-HNGĐ ngày 30/01/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140 /2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/6/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Kiều O**, sinh năm 1996. Địa chỉ: **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**; Chỗ ở hiện nay: **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1984. Địa chỉ: **ấp H, xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng** (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 08/01/2024 và lời trình bày của nguyên đơn bà **Bùi Thị Kiều O tại phiên tòa:** Bà và ông **Nguyễn Văn M** được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2014, ông, bà đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng**. Quá trình chung sống ông, bà có 03 con chung tên **Nguyễn Minh S**, sinh ngày 02/7/2014, **Nguyễn Minh T**, sinh ngày 09/02/2020, **Nguyễn Thị Thảo L**, sinh ngày 20/6/2022 đang sống chung với ông **M**.

Sau thời gian chung sống hạnh phúc, bà O và ông M phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà O cho rằng ông M thường xuyên đánh bà và không chăm lo cho vợ, con. Bà O nhận thấy đời sống hôn nhân giữa bà và ông M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Bà Bùi Thị Kiều O yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Minh S, sinh ngày 02/7/2014, Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/02/2020, Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 20/6/2022, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Bùi Thị Kiều O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Ông thống nhất với phần trình bày của bà Bùi Thị Kiều O về việc ông, bà có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn như bà O trình bày. Quá trình chung sống chúng tôi có 03 con chung như bà O trình bày là đúng. Hiện nay cả ba cháu đang sống chung với ông.

Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông và bà O chủ yếu là do hai bên tính tình nóng nảy, không nhường nhịn nhau, trong quá trình sống chung vợ ông, bà O có thiếu nợ nhưng các khoản nợ này đều không báo cho ông không biết nên khi biết sự việc thì ông có đánh bà O. Tuy nhiên ông vẫn còn yêu thương bà O, muốn cùng chung sống để chăm sóc các con. Do đó, ông không đồng ý ly hôn với bà O.

Trường hợp Tòa án chấp nhận cho bà O ly hôn với ông thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba người con chung, không yêu cầu bà O cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay ông làm thuê cho các lò than ở xã X, tiền công mỗi ngày khoảng 300.000 đồng. Đối với vấn đề về tài sản chung và nợ chung thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của pháp luật, việc xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự và quan hệ pháp luật đang tranh chấp là chính xác, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đúng thành phần. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Bùi Thị Kiều O được ly hôn với ông Nguyễn Văn M, giao con chung là Nguyễn Thị Thảo L cho bà Bùi Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng, giao các cháu Nguyễn Minh S và Nguyễn Minh T cho ông Nguyễn Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, bà O và ông M không phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà **Bùi Thị Kiều O** và ông **Nguyễn Văn M** kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2014, ông, bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện K, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số 206/2015 ngày 13/10/2015, đảm bảo các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp.

[3] Bà **O** và ông **M** đều thừa nhận trong quá trình sống chung, ông, bà phát sinh mâu thuẫn do hai bên không cùng quan điểm sống, tâm tính nóng nảy không kiên nhẫn để hòa giải trong mỗi lần có phát sinh mâu thuẫn, ông bà không còn sống chung từ tháng 11/2023 đến nay. Tại phiên tòa, bà **O** kiên quyết ly hôn với ông **M**, bà cho rằng không thể hàn gắn tình cảm với ông **M**, quá trình sống chung, ông **M** do tính tình nóng nảy, cộc cằn nên thường xuyên sử dụng hành vi bạo lực với bà, vì vậy bà không đồng ý tiếp tục sống chung với ông **M** mặc dù ông **M** cho rằng còn tình cảm với bà **O** và muốn tiếp tục sống chung với bà **O** để cùng chăm sóc các con.

[4] Xét thấy hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc, tôn trọng lẫn nhau mới xây dựng được gia đình hạnh phúc, tuy nhiên giữa bà **O** và ông **M** phát sinh mâu thuẫn do ông **M** sử dụng hành vi bạo lực với bà **O** thể hiện sự thiếu tôn trọng bà **O** trong mỗi quan hệ hôn nhân của ông bà, bà **O** thì cho rằng hiện nay không còn tình cảm với ông **M** và kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông **M**. Thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà **Bùi Thị Kiều O** yêu cầu được ly hôn với ông **Nguyễn Văn M** là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà **O**, để mỗi người tạo lập cuộc sống mới.

[5] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Bà **Bùi Thị Kiều O** và ông **Nguyễn Văn M** đều xác định ông, bà có 03 người con chung tên **Nguyễn Minh S**, sinh ngày 02/7/2014, **Nguyễn Minh T**, sinh ngày 09/02/2020, **Nguyễn Thị Thảo L**, sinh ngày 20/6/2022 và các cháu hiện nay đang sống chung với ông **M**. Bà **O** và ông **M** đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[6] Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có yêu cầu các bên cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh điều kiện nuôi con nhưng các đương sự không cung cấp. Bà **O** và ông **M** đều có khả năng lao động và đều có công việc để có thu nhập và theo lời khai của ông, bà tại phiên tòa thì thu nhập của ông bà là tương đương nhau, tuy nhiên, nếu giao cả 03 con chung cho một người trực tiếp nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo sự phát triển mọi mặt của các cháu. Đối với cháu **Nguyễn Thị Thảo L**, sinh ngày 20/6/2022 là nữ và dưới 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ, vì vậy giao cháu **L** cho bà **O** trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; còn cháu **Nguyễn Minh S**,

sinh ngày 02/7/2014 Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/02/2020 đang sống chung với ông M và cháu S có nguyện vọng được sống chung với ông M nên việc giao cháu S, cháu T cho ông M nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu S cũng như để ổn định môi trường sống cho các cháu. Bà Bùi Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[7] Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Bùi Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn M, không ai được quyền ngăn cản.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Về án phí: Bà Bùi Thị Kiều O phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[10] Như đã nhận định nêu trên, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Kiều O.

1/. Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Kiều O được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2/. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Văn M giao cháu Nguyễn Thị Thảo L, sinh ngày 20/6/2022 cho bà Bùi Thị Kiều O trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Minh S, sinh ngày 02/7/2014, Nguyễn Minh T, sinh ngày 09/02/2020 cho ông Nguyễn Văn M tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi cháu S, cháu L đủ 18 tuổi.

Bà Bùi Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn M không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bà Bùi Thị Kiều O và ông Nguyễn Văn M, không ai được quyền ngăn cản.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Bùi Thị Kiều O** và ông **Nguyễn Văn M** không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/. Về án phí: Bà **Bùi Thị Kiều O** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 0001134 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng. Bà **Bùi Thị Kiều O** đã nộp đủ tiền án phí. Ông **Nguyễn Văn M** không phải chịu án phí sơ thẩm.

5/. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hòa, h. Kế Sách, ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thị Tư

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Hòa, h. Kế Sách, ST;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lý Thị Tư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA